

Bản án số: 75 /2024/HC-ST

Ngày: 01/7/2024

“V/v khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về lĩnh vực
quản lý đất đai”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Trà

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trần Công Nho

+ Ông Trịnh Ngọc Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khắc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 01/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 113/2023/TLST-HC ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-HC ngày 04 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trương Công H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, Tp ., tỉnh Quảng Nam Có mặt tại phiên tòa

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân L, Văn phòng L2 đoàn Luật sư tỉnh Q, Địa chỉ: H Đ, phường T, Tp ., tỉnh Quảng Nam Có mặt tại phiên tòa

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Cùng địa chỉ: số G H, Tp ., tỉnh Quảng Nam

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh N, Phó chủ tịch UBND thành phố T, Vắng mặt tại phiên tòa

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Trương Công T - Phó giám đốc BQL các dự án đầu tư và xây dựng thành phố T, có mặt tại phiên tòa

+ Ông Đinh Hữu T1 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T - Vắng mặt tại phiên tòa

+ Ông Nguyễn Văn B - Phó chủ tịch UBND xã T, thành phố T, Có mặt tại phiên tòa

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962
2. Ông Trương Công V, sinh năm 1983
3. Bà Nguyễn Thị Khắc T3, sinh năm 1985
4. Bà Nguyễn Đình T4, sinh năm 1979
5. Bà Trương Thị Mỹ T5, sinh năm 1984
6. Bà Trương Thị T6, sinh năm 1993
7. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1993
8. Bà Mai Thị T7, sinh năm 1922

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã T, Tp ., tỉnh Quảng Nam; Bà T2 ông V bà T6 mặt tại phiên toà, bà T3 bà T5 ông N1 bà T7 vắng mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Hộ gia đình ông Hlý sử dụng diện tích đất thuộc thửa đất số 604, tờ bản đồ số 22 tại thôn P, xã T, Tp ., tỉnh Quảng Nam tích hiện nay đo theo hiện trạng sử dụng đất thực tế là 2.393,9m²) vào mục đích làm nhà ở vào năm 1982 và đã được UBND thị xã T là UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/01/1995 thuộc thửa đất số 298, tờ bản đồ số 22, diện tích là 1.766 m², loại đất thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài và thửa đất này có nguồn gốc do cha mẹ ông là ông Trương Công T8sinh năm 1920(chết 1994) và bà Mai Thị T7sinh năm 1922 để lại.

UBND thành phố T đã ban hành quyết định số: 1154/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu tái định cư T. Địa điểm: xã T, thành phố T, đối diện với diện tích 2.392,9m² thuộc thửa đất nêu trên, nhưng xác định diện tích đất ở là 200m² (xác định diện tích 200m² đất ở theo hạn mức giao đất) và đất vườn, ao cùng thửa với đất ở là 1.172m²; đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004 là 1.010,4m², không có giấy tờ về quyền sử dụng đất là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông.

Trên cơ sở đó, UBND thành phố T đã ban hành quyết định số: 1294/QĐ-UBND ngày 03/04/2023 bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông (bà)Trương Công H, Trần Thị T9 để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu tái định cư thôn Pđợt 5) tại xã T, thành phố T diện tích 200m² và diện tích đất vườn, ao cùng thửa với đất ở là 1.172 m²; diện tích đất trồng cây lâu năm là 1.010,4m² đối với thửa đất số 298 (số thửa đất mới là thửa số 604, tờ bản đồ số 22) tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam hộ gia đình ông là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông.

Đồng thời, chưa ban hành quyết định tái định cư cho hộ gia đình ông là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình

ông theo quy định của pháp luật. Bởi vì, diện tích 2.393,9m² đất nêu trên hộ gia đình ông quản lý sử dụng cùng một thời điểm sử dụng đất trước năm 1980 và cùng một thửa đất sử dụng vào mục đích làm nhà ở, có ranh giới, tứ cận rõ ràng từ trước đến nay không có gì thay đổi nên phải được công nhận và bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất ở đã được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/01/1995 là 1.776m² (loại đất thổ cư là đất ở) hoặc diện tích đất ở là 1.000m² (bằng 5 lần hạn mức đất ở tại địa phương) và diện tích đất còn lại phải được xác định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ là đất vườn, ao cùng thửa với đất ở mới đúng quy định pháp luật.

Đồng thời, UBND thành phố T ban hành quyết định tái định cư cho hộ gia đình ông theo quy định tại các Điều 53; Điều 69; Điều 74; Điều 79; Điều 103 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 26 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ gia đình ông mới đúng quy định pháp luật.

Ông H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu tái định cư T; địa chỉ: xã T, thành phố T

- Hủy Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ đối với ông (bà) Trương Công HTrần Thị T9 để GPMB thực hiện dự án Khu tái định cư T đợt 5) tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam

- Hủy quyết định về cưỡng chế thu hồi đất số 4487/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T tỉnh Quảng Nam.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T lại quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với thửa đất số 604 (thửa đất số 298), tờ bản đồ số 22 tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam hộ ông Trương Công H đúng quy định của pháp luật.

Ngày 22/4/2024 và tại phiên toà hôm nay ông Trương Công Hút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy quyết định về cưỡng chế thu hồi đất số 4487/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T tỉnh Quảng Nam.

Tại các phiên đối thoại và tại phiên toà hôm nay, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và UBND thành phố Tỉnh bày:

+ UBND Thành phố ban hành các Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của UBND Thành phố T về việc thu hồi đất của hộ ông Trương Công H để thực hiện dự án KDC- TĐC thôn P, xã T tại thửa đất số 604, tờ bản đồ số 22, diện tích theo hiện trạng là 2.393,9m² (Trong đó diện tích đủ điều kiện bồi về đất gồm: Đất ở nông thôn là 200m² + đất trồng cây lâu năm (có nguồn gốc đất vườn) là 1.172,0m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 1.010,4m² đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và 11,5m² đất đã bị thu hồi năm 2011 để xây dựng công trình đường nối đường A - Q với đường An Hà –

Quảng Nam theo Giấy xác nhận về hộ khẩu, nguồn gốc sử dụng đất và xây dựng nhà ở do UBND xã T xác nhận ngày 16/11/2021) và Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trương Công Htông số tiền bồi thường, hỗ trợ: **6.276.593.629** đồng (*Bằng chữ: Sáu tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi ba ngàn, sáu trăm hai mươi chín đồng*) cụ thể như sau:

- + Bồi thường về đất: **2.068.579.200** đồng.
- + Bồi thường nhà ở, vật kiến trúc: **750.819.349** đồng.
- + Bồi thường cây cối, hoa màu: **142.157.480** đồng.
- + Bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản: **10.500.000** đồng.
- + Hỗ trợ thuê nhà: **60.000.000** đồng.
- + Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất: **28.800.000** đồng.
- + Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm việc làm: **205.737.600** đồng.+ Hỗ trợ chi phí, thủ tục nơi ở mới: **10.000.000** đồng.+ Hỗ trợ đất CLN (có nguồn gốc đất vườn, ao): **3.000.000.000** đồng. (Dự kiến số tiền hỗ trợ bàn giao mặt bằng theo tiến độ dự án: 30.000.000 đồng).
- + **VỀ TĐC:** Đủ điều kiện bố trí 02 lô đất TĐC theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 40 Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 và điểm b, khoản 2, Điều 1, Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh Q cụ thể như sau:

- Ông, bà: Trương Công H, Trần Thị T9 bố trí đất TĐC 01 lô (*Lô thứ nhất, hộ chính*).

- Ông, bà: Nguyễn Văn N1 - Trương Thị T6, bố trí đất TĐC 01 lô (*Lô thứ 2 thuộc hộ phụ Trương Công Hùng -Trần Thị T9*).

2. Liên quan đến các căn cứ để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trực tiếp đối với hộ:

Quyết định số: 3219/2016/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh Q ban hành quy định trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Quyết định số: 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Quyết định số: 18/2022/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh Q quyết định hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Quyết định số: 29/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh Q sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về BT-HT-TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam kèm theo Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Q

2.1. Liên quan đến bồi thường vật kiến trúc; cây cối, hoa màu...:

Đối với VKT: Thực hiện và áp dụng tại Quyết định số 3924/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về đơn giá xây dựng nhà

ở, vật kiến trúc, công trình, tài sản trên đất để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Đối với cây cối hoa màu: Thực hiện và áp dụng tại Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Q ban hành quy định đơn giá bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2.2. Liên quan đến bồi thường giá đất cụ thể:

Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Q về việc ban hành quy định về giá đất, bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ Quyết định số 2611/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu tái định cư T tại xã T.

2.3. Nguồn gốc sử dụng đất và xây dựng nhà ở trên đất... (Theo xác nhận của UBND xã T):

Hộ ông Trương Công H ử dụng đất ổn định, xây dựng nhà ở trước ngày 15/10/1993 và đã được UBND thị xã Tl à thành phố T Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/01/1995 tại thửa đất số 298, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.766,0m², loại đất ghi thổ cư (T).

Thực hiện dự án nội đường A - đường N năm 2011, UBND thành phố T Quyết định số 7891/QĐ-UBND ngày 28/11/2011 thu hồi diện tích trong phạm vi dự án là: 394,0m², tại thửa đất số 298, tờ bản đồ số 22, loại đất trồng cây lâu năm (CLN). Đã được chỉnh lý biên động trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ngày chỉnh lý 19/12/2011). Như vậy diện tích đất Nhà nước đã thu hồi là 394,0m² loại đất trồng cây lâu năm; diện tích đất còn lại ngoài ranh giới dự án là 1.372,0m².

Nay thực hiện dự án Khu tái định cư T đơn vị có chức năng đo đạc đã tiến hành kiểm tra xác định lại ranh giới, vị trí thì thửa đất của hộ đang sử dụng là thửa đất số 604 (Thửa 604 dự án hiện tại và thửa 298 dự án cũ là một vị trí), tờ bản đồ số 22, diện tích hiện trạng sử dụng là 2.393,9m², loại đất ONT + CLN, tăng 1.021,9m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do:

Có 11,5m² nằm trong phạm vi thu hồi của dự án đường N - Hà Q với đường N hộ tái sử dụng và tăng 1.010,4m² do hộ ông Trương Công H hoang bờ thửa để sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm sau thời điểm sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004; diện tích tăng do khai hoang này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. *(Biên bản làm việc kiểm tra thực địa, giấy xác nhận về hộ khẩu, nguồn gốc sử dụng đất và xây dựng trên đất ngày 16/11/2021 của UBND xã Theo).*

Do không thống nhất với diện tích đất ở được xác định theo hạn mức là 200,0m² để bồi thường, nên hộ ông, bà: Trương Công H đơn khởi kiện ra Tòa đề nghị UBND thành phố T bồi thường diện tích theo Giấy CNQSD đất đã được cấp số E 880805 ngày 24/01/1995 tại tờ bản đồ số 22, thửa đất số 298, diện tích 1372,0m²

là đất thổ cư (đất ở) và các chính sách bồi thường khác liên quan đối với hộ theo quy định.

3. Quan điểm và ý kiến của UBND thành phố:

Đối chiếu với quy định, UBND thành phố T thấy việc xác định diện tích đất ở của hộ ông, bà: Trương Công H để thực hiện bồi thường dự án: KDC-TĐC Phú Thạnh tại xã T đúng quy định, việc hộ ông yêu cầu xác định diện tích đất ở để bồi thường cho hộ ông theo Giấy CNQSD đất ghi gộp là đất thổ cư (Đất ở) với diện tích 1372,0m² là chưa đảm bảo tính pháp lý, do:

+ Ngày 10/12/2021 Viện kiểm soát nhân dân tối cao ban hành Văn bản số 18/KN-VKSTC kiến nghị, yêu cầu UBND tỉnh Q chỉ đạo, kiểm tra, rà soát việc cấp giấy CNQSD đất ghi đất thổ cư để khắc phục trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bảo đảm việc cấp giấy CNQSD đất xác định đúng hạn mức đất ở, diện tích đất vườn, đất khác theo đúng quy định của Luật Đất đai hiện hành.

+ Ngày 17/01/2022 UBND tỉnh Q ban hành Văn bản số 379/UBND-KTN, chỉ đạo kiểm tra, rà soát việc cấp Giấy CNQSD đất ghi gộp đất ở + đất vườn thành “đất thổ cư”, nay khắc phục, bảo đảm việc cấp Giấy CNQSD đất xác định đúng hạn mức đất ở, diện tích đất vườn, đất khác theo đúng quy định của Luật Đất đai hiện hành, chấm dứt việc cấp Giấy CNQSD đất ghi gộp loại đất “đất thổ cư”.

Cụ thể: Tại thời điểm thi hành Luật Đất đai năm 1993, trên địa bàn tỉnh Quảng Nam khi thực hiện việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ đã kết hợp cấp cả đất ở và đất nông nghiệp chung trong một giấy chứng nhận và trong nhiều Giấy CNQSDĐ đã ghi gộp đất ở + đất vườn thành “đất thổ cư” ký hiệu chữ “T” mà không tách riêng diện tích đất ở và diện tích đất vườn, ao. Do đó có nhiều trường hợp diện tích đất “thổ cư” ghi trên Giấy CNQSDĐ lớn hơn nhiều lần hạn mức đất ở, thậm chí có trường hợp từ 5.000 đến 7.000m² đất thổ cư mà không tách riêng diện tích đất ở. Việc ghi trong Giấy CNQSDĐ loại “đất thổ cư” với diện tích lớn hơn hạn mức đất ở nêu trên do không tách loại đất ở với loại đất nông nghiệp (vườn, ao, chuồng trại..) gắn liền với đất ở theo hiện trạng là không phù hợp với Luật Đất đai. Mặt khác, Luật Đất đai cũng không có quy định nào xác định đất là “đất thổ cư” trong Giấy CNQSD đất trước đây cũng làm phát sinh hệ lụy khiếu kiện, khiếu nại gia tăng; trong đó có nguyên nhân chính là do việc ghi gộp đất ở và đất vườn thành đất thổ cư.

Việc xác định lại hạn mức đất ở, diện tích đất vườn, đất khác là phải theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013

Căn cứ khoản 1, Điều 6, khoản 1, Điều 7 và khoản 3 Điều 8 tại Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh Q quyết định ban hành quy định hạn mức giao, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 6,7: Phân định khu vực, hạn mức để áp dụng hạn mức giao đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng các loại đất trên địa bàn tỉnh.

Khu vực I: Các phường thuộc thành phố T Các thửa đất có mặt tiếp giáp với trục giao thông chính liên xã, huyện lộ, tỉnh lộ, quốc lộ hoặc các thửa đất có mặt tiếp giáp với các trục giao thông chính đi vào khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề đã được hình thành thuộc, hạn mức giao không quá 200m².

Khu vực II: Các xã thuộc thành phố T hạn mức giao không quá 300m² (Trừ các vị trí thửa đất như trình bày tại khu vực I).

Như vậy: Theo quy định nêu trên, thì hạn mức đất ở của hộ gia đình theo Giấy CNQSD đất đã ngày cấp 24/01/1995 do UBND thị xã T(nay là thành phố T cấp tại thửa đất số 298, tờ bản đồ số 22, diện tích đất ở được xác định không quá 200m² và diện tích còn lại là đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn như đã trình bày nêu trên.

Như vậy: Các trường hợp đã được cấp Giấy CNQSD đất ghi là “đất thổ cư” thì thực hiện căn cứ theo quy định tại khoản 5, Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; Điều 6,7 và khoản 3 Điều 8 Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND tỉnh ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh Q Công văn số 18/KN-VKSTC ngày 10/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Văn bản số 379/UBND-KTN ngày 17/1/2022 của UBND tỉnh Q trường hợp hộ ông phải xác định lại hạn mức đất ở như trình bày nêu trên và tại thời điểm hiện tại không có cơ sở công nhận toàn bộ thửa đất nêu trên là đất thổ cư (Đất ở) theo kiến nghị của hộ ông.

Do đó, việc hộ ông, bà: Trương Công H yêu cầu UBND thành phố T phải bồi thường toàn bộ thửa đất đã được cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông là 1.372,0m² đất ở tại phạm vi thu hồi đất của dự án là không có cơ sở để thực hiện.

Những người có quyền lợi liên quan có yêu cầu độc lập: bà Trương Thị Mỹ T5 ông Trương Công V; bà Trương Thị T6 Đề nghị HĐXX xem xét buộc UBND thành phố T bố trí cho mỗi hộ 01 lô đất tái định cư theo quy định

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính 2015.

Về nội dung: Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng hành chính, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử ra quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Trương Công H việc: Hủy quyết định về việc cưỡng chế thu hồi đất số 4487/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T quy định của pháp luật do ông H rút yêu cầu khởi kiện này.

Đối với yêu cầu Hủy Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu tái định cư T địa chỉ: xã T, thành phố Thủy Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ đối với ông (bà) Trương Công H, Trần Thị T9 để GPMB thực hiện dự án Khu tái định cư T đợt 5) tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ại

quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với thửa đất số 604 (thửa đất số 298), tờ bản đồ số 22 tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam hộ ông Trương Công Húng quy định của pháp luật. Hồ sơ chưa có tài liệu, chứng cứ thể hiện về việc kê khai, đăng ký sử dụng đất của ông Trương Công H theo hồ sơ 299/TTg để xác định thời điểm hình thành thửa đất và hồ sơ không có tài liệu đăng ký, kê khai sử dụng đất theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ phù theo quy định tại thông tư liên tịch số 346/TT-LT ngày 16/3/1994 của T13 Bộ T14 Luật Đất đai năm 1993 nên đề nghị HĐXX ngưng phiên toà để thu thập thêm các chứng cứ này. Đối với các yêu cầu độc lập của bà Trương Thị Mỹ T5 ông Trương Công V, bà Trương Thị T6 về việc đề nghị được bố trí lô đất tái định cư theo quy định. Bà T6 đã được cấp đất tái định cư, ông V và bà T5 đã có đất ở tại xã T nên đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu này

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của các bên đương sự và tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T người có quyền lợi liên quan: bà T3 bà T5 ông N1 bà T7 nhưng tất cả những người này đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Trương Công H đồng ý với việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi đất của hộ gia đình ông H để thực hiện dự án Khu tái định cư T; Ngày 27/6/2023, ông Trương Công H khởi kiện tại Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu tái định cư T địa chỉ: xã T, thành phố T; Hủy Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ đối với ông (bà) Trương Công H, Trần Thị T9 để GPMB thực hiện dự án Khu tái định cư T đợt 5) tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng N và buộc Ủy ban nhân dân thành phố T lại quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với thửa đất số 604 (thửa đất số 298), tờ bản đồ số 22 tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng N hộ ông Trương Công H đúng quy định của pháp luật. Đây là quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân thành phố T; Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 4 Điều 32 khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, thì quyết định, hành vi trên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Ông Trương Công H quyền khởi kiện, yêu cầu khởi kiện của ông H còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trương Công H thì thấy:

Tại phiên toà ông Trương Công H người đại diện theo uỷ quyền của ông H, ông Phạm Xuân L yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Toà án Huỷ quyết định về cưỡng chế thu hồi đất số 4487/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T tỉnh Quảng Nam; nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Về hình thức của các Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu tái định cư T địa chỉ: xã T, thành phố T Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ đối với ông (bà) Trương Công H, Trần Thị T9 để GPMB thực hiện dự án Khu tái định cư T đợt 5) tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam được ban hành đảm bảo về mặt hình thức, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Về nội dung của các quyết định thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi diện tích đất 2.393,9m² thuộc thửa đất số 604, tờ bản đồ số 22 tại thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng N để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu tái định cư T đợt 5) tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam Hội đồng xét xử xét thấy:

Hộ ông Trương Công H có kê khai đăng ký diện tích đất này theo Chỉ thị 299/TTg và ông H nhận ông sử dụng diện tích đất này vào năm 1981 như vậy không đủ điều kiện để công nhận toàn bộ diện tích 1.766m² đất “T” trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông là đất ở theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho hộ ông Trương Công H24/01/1995 thì thửa đất số 604, tờ bản đồ số 22 tại thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng N có diện tích 1.766m² loại đất thổ cư, theo sổ mục kê ruộng đất thì hộ ông Trương Công H khai thửa đất số 298, tờ bản đồ số 22 tại thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng N có diện tích 1.766m² loại đất “T”. theo Nghị định 64/CP hộ ông H khai đăng ký thửa 298 tờ bản đồ số 22 diện tích 1766m² loại đất “T”. Theo hiện trạng sử dụng hiện nay tại sổ mục kê đất đai năm 2017 thể hiện hộ ông H sử dụng 2.393,9m² thuộc thửa đất số 604, tờ bản đồ số 22 tại thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng N lại đất ONT+CLN (trong đó có 200m² đất ONT)

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/12/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam ông H thừa nhận sử dụng thửa đất số 298, tờ bản đồ số 22 tại thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng N là năm 1981 và xây nhà năm 1982 và khi sử dụng ông có xây hàng rào bao quanh bằng gạch nhưng hiện nay hàng rào đã bị ngã, diện tích đất ông đang sử dụng ổn định, liền thửa và không có tranh chấp với ai.

Theo sổ hộ khẩu hộ ông Trương Công H có các nhân khẩu gồm Trương Công H(chủ hộ), Trần Thị T9 vợ) Trương Công V đã tách hộ cùng nhà ngày

30/9/2008); Trương Thị Mỹ T5 đã tách hộ cùng nhà ngày 19/6/2012); Trương Thị T6 Nguyễn Văn N1 rể) và Nguyễn Gia H1(cháu); Hộ ông Trương Công V là chủ hộ, có các nhân khẩu gồm Trương Công V chủ hộ); Nguyễn Thị Khắc T3 vợ) Trương Công S, Trương Thị Kim N2 và Trương Thị Kim T10 là con; Hộ bà Trương Thị Mỹ T5 có các nhân khẩu gồm Trương Thị Mỹ T5 chủ hộ) Nguyễn Đình T4 chồng) Nguyễn Ngọc Thảo U; Như vậy tại thời điểm thu hồi đất, hộ ông Trương Công H có 03 sổ hộ khẩu và có 04 hộ gia đình cùng chung sống trên thửa đất.

Theo Công văn số 277/CV-CNVPĐK ngày 30/8/2024 của Văn phòng Đ1 cấp thông tin hộ ông Trương Công V và bà Nguyễn Thị Khắc T3 đăng ký theo ND 64/CP sử dụng thửa đất số 306, tờ bản đồ số 21 diện tích 1.666m² loại đất ONT+vườn, Giấy chứng nhận đất số V726029 tại xã T, thành phố T. Tỉnh Quảng Nam tuy nhiên ông Trương Công V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V726029 tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam thể hiện thửa đất số 306, tờ bản đồ số 21 (đã đính chính thành tờ bản đồ số 22) diện tích 1.666m² loại đất ONT+vườn (trong đó có 200m² đất ở và 1.466m² đất vườn tạp) đã được cấp Giấy chứng nhận cho ông Trương Công S là bà Phan Thị L1 Ngày 19/12/2011 diện tích đất này đã được thu hồi 1.206m²(trong đó có 200m² đất ở và 1.006m² đất vườn tạp) để xây dựng công trình nối đường A - đường N diện tích đất còn lại 460m² đất vườn tạp ông S là bà L1 đến nhượng cho ông V bà T3 vào ngày 15/11/2016. Tại phiên toà hôm nay, ông Trương Công V rằng diện tích đất này hiện nay vợ chồng ông và vợ chồng bà Trương Thị Mỹ T5 xây dựng quán tạm để buôn bán, vợ chồng ông và vợ chồng bà Trương Thị Mỹ T5 vẫn sinh sống tại nhà ông H; ông Nguyễn Văn B Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T cũng thừa nhận diện tích đất theo Công văn số 277/CV-CNVPĐK ngày 30/8/2024 của Văn phòng Đ1 cấp thông tin hộ ông Trương Công V và hộ bà Trương Thị Mỹ T5 là diện tích 460m² còn lại của thửa đất số 306, tờ bản đồ số 21 (đã đính chính thành tờ bản đồ số 22), hiện nay hộ ông V và hộ bà T5 xây quán tạm và diện tích đất này là đất trồng cây lâu năm và nằm trong quy hoạch nên không được chuyển mục đích sang đất ở. Hộ ông V và hộ bà T5 xây quán và có sinh sống tại quán ngoài ra 02 hộ này không có diện tích đất ở nào khác trên địa bàn xã T

Theo quy định tại khoản 4 Điều 103 Luật Đất đai 2013 thì: *“Đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình thành từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai 2013 mà trong giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được xác định như sau:*

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện, tập quán tại địa phương quy định hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình phù hợp với tập quán ở địa phương theo số lượng nhân khẩu trong hộ gia đình;

b) Trường hợp diện tích thửa đất lớn hơn hạn mức công nhận đất ở tại địa phương thì diện tích đất ở được xác định bằng hạn mức công nhận đất ở tại địa phương;

c) Trường hợp diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở tại địa phương thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 và điểm a khoản 2 Điều 8 của Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q ban hành quy định hạn mức giao, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam thì:

Khoản 2 Điều 7 quy định “*Đối với những nơi có tập quán nhiều thế hệ chung sống trong cùng một hộ (từ 3 thế hệ trở lên) hoặc có từ 02 hộ trở lên cùng sống chung trên cùng một thửa đất thì diện tích đất ở có nhà ở được giao với mức cao hơn và được tính bằng tổng hạn mức đất ở của các hộ gia đình, cá nhân đó theo quy định tại khoản 1 Điều này*”.

Điểm a khoản 2 Điều 8 quy định: “*Trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở được hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004 và người sử dụng đất đang có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100, Luật Đất đai và Điều 18, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP khoản 16, Điều 2, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP mà giấy tờ đó ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó. Trường hợp trong giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được xác định như sau:*

a) Trường hợp số lượng nhân khẩu trong hộ gia đình không quá 04 (nhân khẩu) thì hạn mức công nhận đất ở bằng hạn mức giao đất ở đã quy định tại khoản 1, Điều 7 Quy định này.

Trường hợp thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân cùng sử dụng chung thì hạn mức đất ở quy định tại khoản 1, Điều 7 được tính bằng tổng hạn mức đất ở của các hộ gia đình, cá nhân đó....”

Do xác định hộ ông Trương Công H tại thời điểm thu hồi đất có 04 nhân khẩu và hộ ông Trương Công Vó đăng ký sử dụng diện tích đất ở tại thửa 604 và bà T 5 đăng ký theo cơ sở dữ liệu quản lý sử dụng đất thửa 663 tờ bản đồ số 22 diện tích 206,2m² loại đất ONT tại xã T, thành phố T tỉnh Quảng N nên Ủy ban nhân dân thành phố T công nhận đất ở cho hộ ông H² là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 103 Luật Đất đai 2013 và khoản 2 Điều 7; điểm a khoản 2 Điều 8 của Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q mà phải xác định hộ ông H có 04 hộ gia đình, gồm 14 nhân khẩu sống chung trên thửa đất để xác định tổng hạn mức đất ở cho hộ ông Hà 800m²

Đối với việc tái định cư căn cứ vào khoản 4 Điều 40 Quyết định 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q và khoản 4 Điều 40 Quyết định 29/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q quy định:

3...

4. Được giao 04 (bốn) lô đất ở tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân theo quy hoạch chi tiết phân lô được duyệt tại khu tái định cư nhưng không vượt quá diện tích đất ở bị thu hồi và không vượt quá 04 lần hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành của UBND tỉnh nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Hộ gia đình có từ 04 (bốn) cặp vợ chồng đủ điều kiện tách hộ theo quy định hoặc có từ 04 hộ gia đình trở lên có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi.

b) Hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất ở bị thu hồi từ trên 07 lần đến 09 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND tỉnh.

5. Được giao 05 (năm) lô đất ở tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân theo quy hoạch chi tiết phân lô được duyệt tại khu tái định cư nhưng không vượt quá diện tích đất ở bị thu hồi và không vượt quá 05 lần hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành của UBND tỉnh nếu hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất ở bị thu hồi từ trên 09 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND tỉnh.

6. Hộ gia đình, cá nhân được giao đất ở theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này mà thỏa mãn đồng thời nhiều điều kiện giao đất ở tái định cư thì được lựa chọn mức giao đất ở tái định cư cao nhất và phải thuộc đối tượng bị thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau khi thu hồi không đủ điều kiện để làm nhà ở theo quy định của UBND tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi.

Số lô đất tái định cư được giao theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này được giao trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân có đất ở bị thu hồi. Trường hợp các cặp vợ chồng thực tế cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi mà đủ điều kiện được giao đất tái định cư, có nguyện vọng được giao trực tiếp đất ở tái định cư cho các hộ phụ thì phải có biên bản thỏa thuận thống nhất với hộ gia đình, cá nhân có đất ở bị thu hồi về vị trí, diện tích lô đất tái định cư và trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có), được các cá nhân có liên quan trong hộ gia đình ký thống nhất, có xác nhận của UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi, đưa vào phương án BT, HT, TĐC trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Cặp vợ chồng được xem xét giao đất ở tái định cư theo Quy định này, bao gồm: Vợ chồng đang trong thời kỳ hôn nhân; vợ chồng đã có con chung nhưng ly hôn hoặc vợ chồng đã có con chung nhưng vợ (chồng) chết và đủ điều kiện tách hộ theo quy định.

7. Điều kiện để giao đất tái định cư đối với cặp vợ chồng thứ hai trở lên hoặc đối với hộ gia đình thứ hai trở lên (trường hợp có chung quyền sử dụng thửa đất ở thu hồi) hoặc đối với lô tái định cư thứ hai trở lên tính theo nhân khẩu phải đảm bảo:

a) Vợ hoặc chồng phải đăng ký thường trú tại địa chỉ thửa đất ở bị thu hồi, thực tế cùng chung sống trên thửa đất ở thu hồi và đăng ký kết hôn trước khi có thông báo thu hồi đất. Riêng đối với các nhân khẩu phát sinh tự nhiên hoặc

trường hợp vợ/chồng đăng ký thường trú tại địa chỉ thửa đất ở bị thu hồi trước thời điểm thông báo thu hồi đất mà đăng ký kết hôn sau thời điểm THÔNG báo thu hồi đất thì được xác định đến trước thời điểm có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp cặp vợ chồng không có Giấy đăng ký kết hôn, thì phải có xác nhận của UBND cấp xã về tình trạng hôn nhân thực tế theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

b) Không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi.

8....

Hộ gia đình ông H có 04 hộ cùng sống trong một thửa đất nhưng Ủy ban nhân dân thành phố T định 01 lô đất tái định cư cho hộ ông Trương Công H, bà Trần Thị T9 và 01 lô phụ cho hộ ông Nguyễn Văn N1 Trương Thị T6 và không đúng quy định hơn nữa khi chỉ định lô đất cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N1 Trương Thị T6 và không có biên bản thỏa thuận thống nhất với hộ gia đình, cá nhân có đất ở bị thu hồi về vị trí, diện tích lô đất tái định cư và trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có), được các cá nhân có liên quan trong hộ gia đình ký thống nhất, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi, đưa vào phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đầy đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Công Hviệc Hủy các Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu tái định cư Tđịa chỉ: xã T, thành phố t quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ đối với ông (bà) Trương Công H, Trần Thị T9để GPMB thực hiện dự án Khu tái định cư T đợt 5) tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng NamBuộc Ủy ban nhân dân thành phố T lại quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với thửa đất số 604 (thửa đất số 298), tờ bản đồ số 22 tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Namhộ ông Trương Công H đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của những người có quyền lợi liên quan có yêu cầu độc lập, bà Trương Thị Mỹ T5ông Trương Công V bà Trương Thị T6 về việc đề nghị được bố trí lô đất tái định cư theo quy định: HĐXX thấy do các quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu tái định cư T địa chỉ: xã T, thành phố T Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ đối với ông (bà) Trương Công H, Trần Thị T9 để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu tái định cư Tđợt 5) tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng N đã bị huỷ nên các yêu cầu này sẽ được xem xét khi Ủy ban nhân dân thành phố T lại các quyết định về việc thu hồi, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Trương Công H

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trương Công H được chấp nhận nên người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố T chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông H, ông V, bà T5, bà T6 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, trả lại cho ông H, ông V, bà T5, bà T6 mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) ông Trương Công H nộp. Ông H có đơn xin tự nguyện nhận chịu khoản tiền này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Công H về yêu cầu huỷ Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 4487/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T tỉnh Quảng Nam;

[2] Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; Điều 158; điểm b, khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 74, Điều 75, Điều 77, Điều 79, Điều 83, Điều 86, Điều 89, Điều 101, khoản 5, 6 Điều 103 Luật Đất đai 2013; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trương Công H về việc “*Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” đối với Ủy ban nhân dân thành phố T tỉnh Quảng Nam

- Hủy Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu tái định cư T địa chỉ: xã T, thành phố T

- Hủy Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ đối với ông (bà) Trương Công H, Trần Thị T9 để GPMB thực hiện dự án Khu tái định cư T đợt 5) tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T lại quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với thửa đất số 604 (thửa đất số 298), tờ bản đồ số 22 tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam hộ ông Trương Công H đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố T chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm. Ông Trương Công H, ông Trương Công V, bà Trương Thị Mỹ T5, bà Trương Thị T6 phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, trả lại cho ông Trương Công H (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0000485 ngày 11/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam; Trả lại cho bà Trương Thị Mỹ T5 (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Biên lai

thu số 0000518 ngày 15/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam; Trả lại cho ông Trương Công V (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0000515 ngày 15/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam; Trả lại cho bà Trương Thị T6 (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0000519 ngày 15/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

[2.2] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: ông Trương Công H nguyện nhận chịu 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*)

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Q;
- Cục THA dân sự tỉnh Q;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoàng Trà